TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 286 / 2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 19 / 9 / 2017
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Hoàng Nghiệp**;
Bà **Nguyễn Thị Kim Uyên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Thanh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị U,** sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số 25, khu dân cư C. B. Đ, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn P,** sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà U có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà và ông P kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2008. Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay do ông P có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên về hành hung vợ con, không quan tâm chăm scó, nuôi dưỡng con cái. Mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn gia đình vì hạnh phúc của con nhưng không được. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

Về con chung: cả hai có 03 con chung là Lê Thị Thanh T, sinh ngày 09/9/2005, Lê Thị H sinh ngày 05/3/2007 và Lê Hoàng Ph sinh ngày 18/10/2012. Hiện bà đang nuôi dưỡng cháu Ph còn T và H sống với ông P. Nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi cháu Ph, riêng T và H giao ông P tiếp tục nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà U.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã lấy ý kiến của con chung là cháu Lê Thị Thanh T và Lê Thị H do các cháu đã trên 07 tuổi. Cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ còn cháu H muốn được sống với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Tòa án đã mở phiên họp để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải động viên ông bà chung sống lại nhưng do ông P vắng mặt, do vậy không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa bà U bảo lưu ý kiến như đã trình bày tại phiên hòa giải, bổ sung thêm bà yêu cầu được nuôi dưỡng thêm cháu T, ông P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng phát biểu: Đối với Thẩm phán, quá trình giải quyết vụ án đã xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục xét xử được đảm bảo. Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: tại phiên tòa ông P vắng mặt mặc dù đã triệu tập hợp lệ, căn cứ những quy định pháp luật, Tòa án xét xử vắng mặt ông P là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: sau khi phân tích nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà U, về con chung giao cháu T và Ph cho bà U nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không xem xét do bà U không yêu cầu, trường hợp sau này ông P có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong 01 vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn P. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà u, ông P có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà u trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là vì thời gian chung sống ông P không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, ngoại tình và thường xuyên có hành vi bạo hành trong gia đình.

Xét thấy: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và thông báo về phiên hòa giải cho ông P nhưng ông không đến tham gia hòa giải và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà

U. Đồng thời tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Thanh V thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do bà U đã có người đàn ông khác và đang chung sống với người đó, về việc cả hai người có khả năng chung sống lại hay không theo bà V là không thể. Các cháu Lê Thị H, Lê Thị Thanh T cho biết hiện ông P và bà U không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay, thời gian không còn chung sống ông P đi làm xa có về thăm con riêng bà U thì không. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông, bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà U là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà U có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ph và cháu T có nguyện vọng muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy cháu T đã trên 07 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX quyết định giao cháu T cho bà U nuôi dưỡng. Cháu H muốn sống với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn, xét thấy đây là nguyện vọng của cháu nên chấp nhận.

Bà U, ông P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: do bà U không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Vì sự phát triển của con chung, Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng , người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà U xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trường hợp ông P có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58 và 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U và ông Lê Văn P được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 09/9/2005 và Lê Hoàng Ph sinh ngày 18/10/2012 cho bà U nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Thị H sinh ngày 05/3/2007 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà U, ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà U, ông P và các thành viên trong gia đình không được cản trở quyền thăm nom con chung của nhau.

Vì sự phát triển của con chung, theo yêu cầu của một bên hoặc của cả hai bên đương sự hoặc theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền khác, Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng , người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí*:* Bà U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010972 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H.AP;
- UBND xã Đa Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo